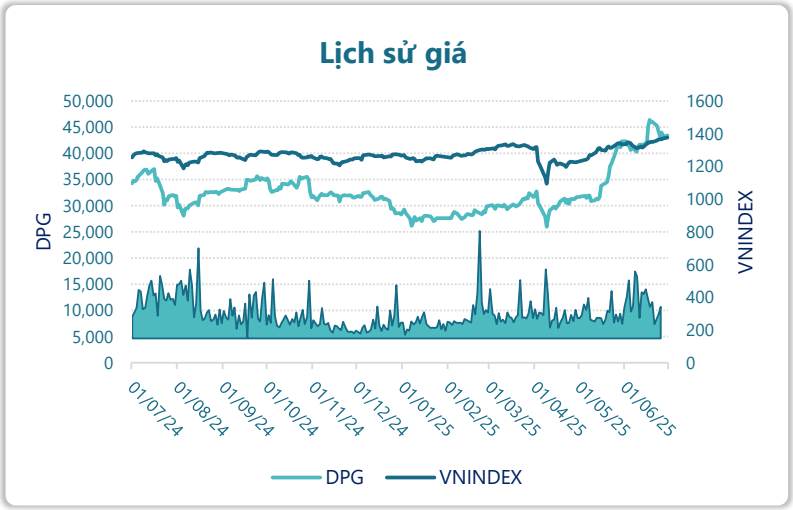
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**43,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,981
SL cổ phiếu LH	100,799,032
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,361,170
% sở hữu nước ngoài	5.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,375
P/E	17.2
EPS	2,518

DT thuần

Q2/25

1,142

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 614| 116%

YoY: ▲ 182| 18.9%

LN sau thuế

Q2/25

104

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.00| 4.3%

YoY: ▲ 31.7| 44.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

12.2%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

6T 2025

1,669

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 283| 20.4%

LN sau thuế

6T 2025

205

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 55.0| 36.2%

ROE

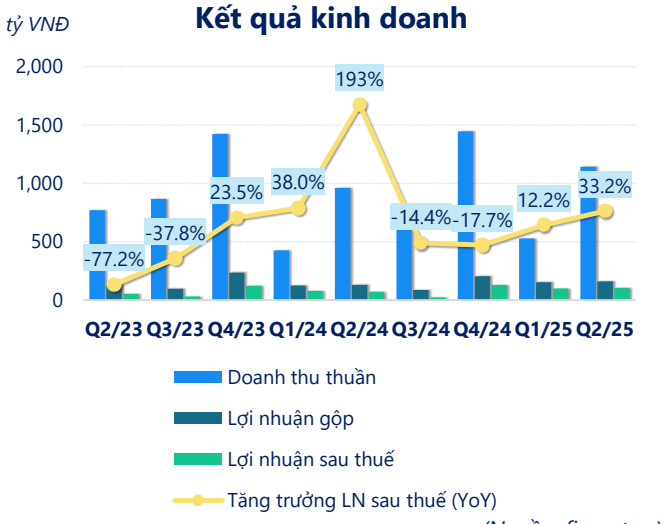
Q2/25

9.8%

+/- YoY: ▲ 0.1%

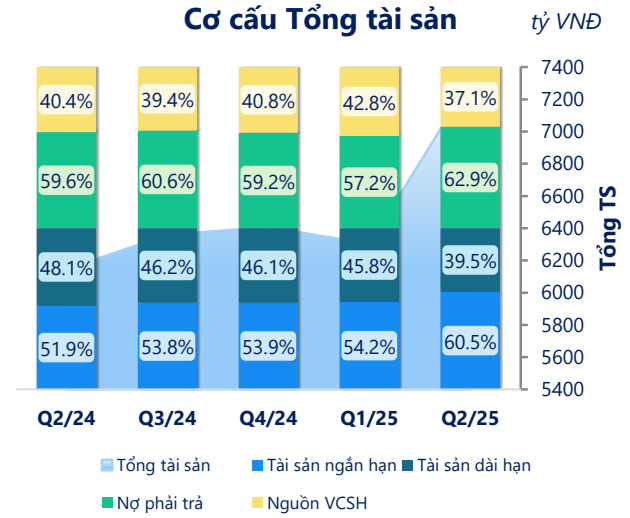
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



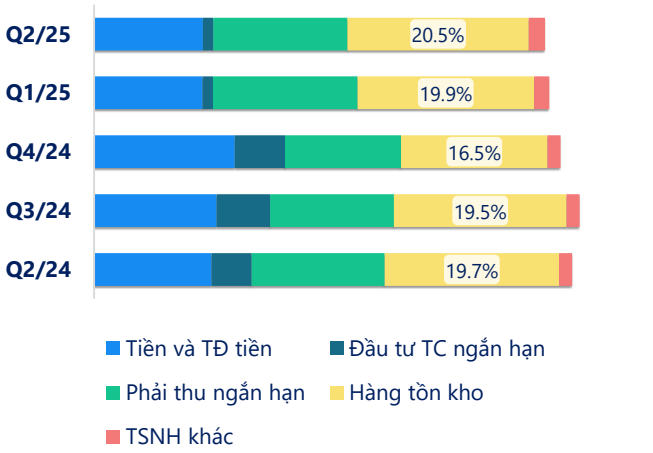
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



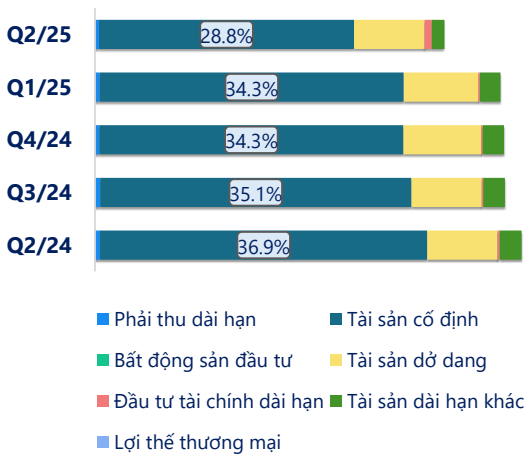
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



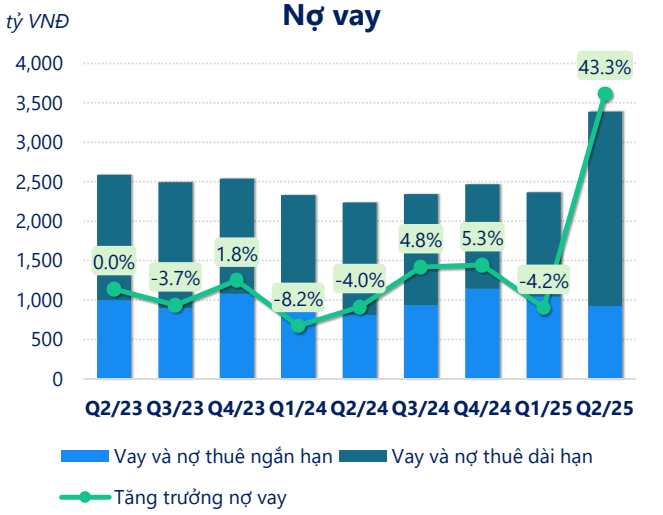
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



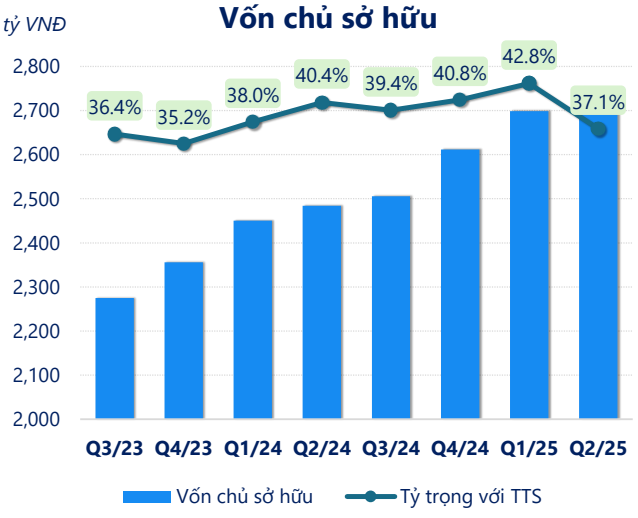
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



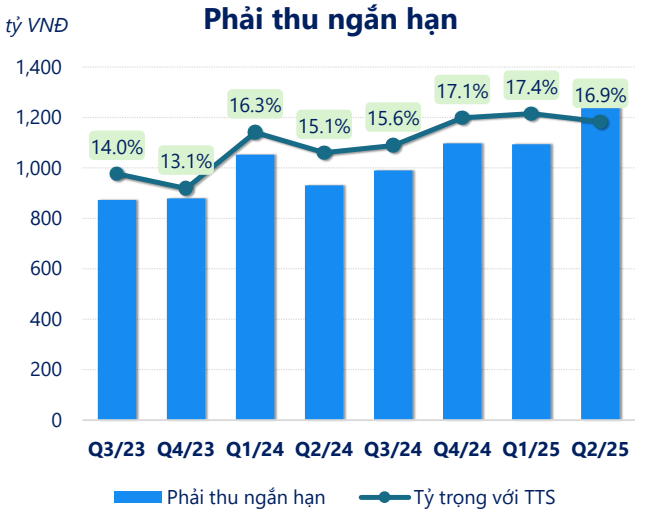
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



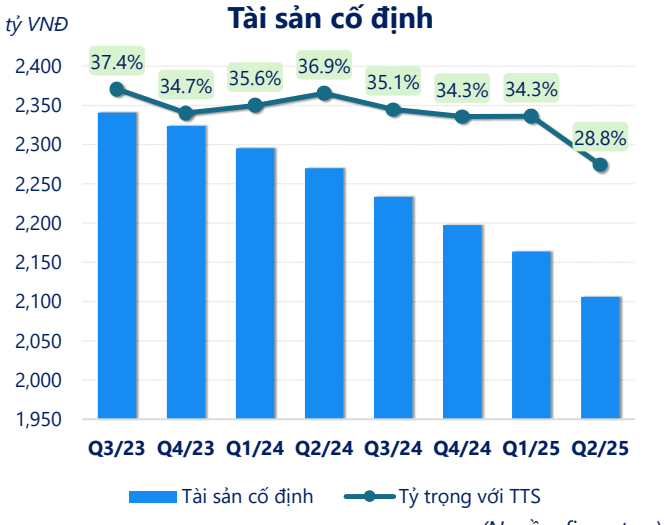
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



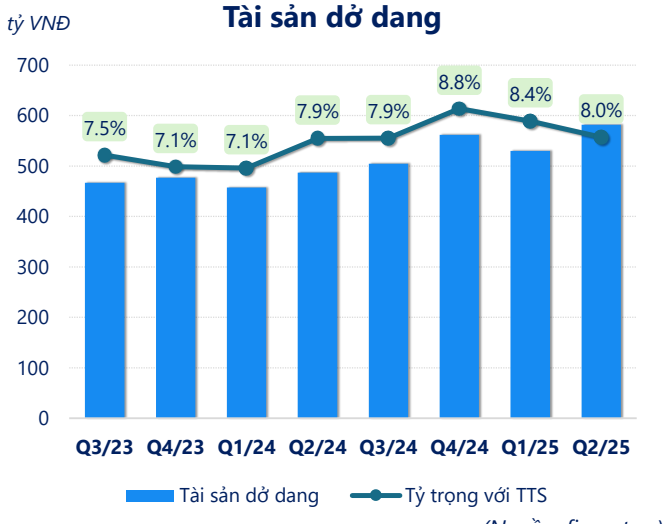
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



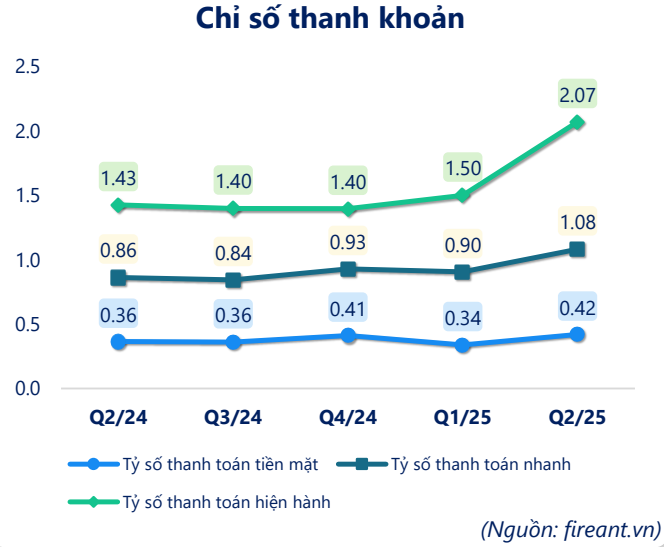
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



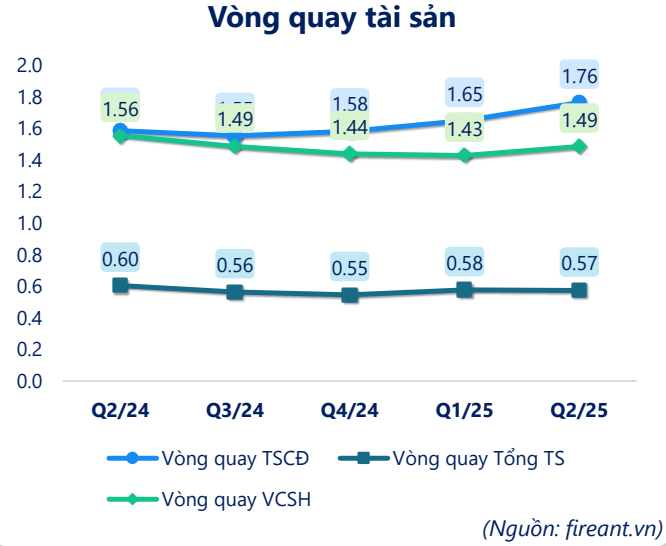
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**6,145**	**6,359**	**6,408**	**6,301**	**7,312**
Tài sản ngắn hạn	**3,187**	**3,418**	**3,451**	**3,418**	**4,427**
Tiền và tương đương tiền	814	879	1,017	771	897
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.7	70.6	69.5	69.5	71.5
Phải thu ngắn hạn	931	990	1,097	1,094	1,236
Hàng tồn kho	1,258	1,356	1,155	1,355	2,115
Tài sản ngắn hạn khác	113	123	113	128	107
Tài sản dài hạn	**2,958**	**2,941**	**2,957**	**2,883**	**2,885**
Phải thu dài hạn	35.0	37.0	32.0	32.9	32.9
Tài sản cố định	2,270	2,233	2,197	2,163	2,106
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	487	505	562	530	582
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	11.0	11.0	11.0	58.5
Tài sản dài hạn khác	153	154	155	146	106
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,661**	**3,853**	**3,796**	**3,602**	**4,601**
Nợ ngắn hạn	**2,236**	**2,445**	**2,472**	**2,281**	**2,139**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	813	937	1,144	1,043	925
Phải trả người bán ngắn hạn	285	358	415	314	207
Nợ dài hạn	1,425	1,408	1,325	1,322	2,462
Vay và nợ thuê dài hạn	1,423	1,407	1,324	1,321	2,462
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,484**	**2,506**	**2,612**	**2,699**	**2,711**
Vốn chủ sở hữu	**2,484**	**2,506**	**2,612**	**2,699**	**2,711**
Vốn điều lệ	630	630	630	630	1,008
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)